

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-PT
Ngày 06 - 5 - 2020
V/v tranh chấp đòi
quyền sử dụng đất cho mượn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Trực
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất cho mượn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Tống Mỹ L1, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2020, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thành L: Bà Nguyễn Thị H là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lý Thanh H, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1955, (xin vắng mặt).
2. Bà Tống Mỹ L1, sinh năm 1965, (có mặt).
3. Ông Phùng H, sinh năm 1945, (xin vắng mặt).
4. Bà Lý Thị C, sinh năm 1951, (xin vắng mặt).
5. Cụ Hồ Thị N, sinh năm 1940, (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông L là Bà Tống Mỹ L1 trình bày:

Phần đất tranh chấp là của cụ Hồ Thị N (mẹ ông L) cho vợ chồng ông L, bà L; khi cho chỉ nói miệng không có làm giấy tờ gì. Sau khi được cho đất, ông L, bà L có đăng ký kê khai nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006, vợ chồng ông L cho ông Phùng H và bà Lý Thị C mượn phần đất tranh chấp để cất cái chái (mái che tạm) nấu cháo lợn. Do chỗ quen biết nên ông L cho mượn không làm giấy tờ gì. Việc cho mượn chỉ có vợ chồng ông L, cụ N, ông H, bà C biết. Sau đó, ông L và bà L đòi lại đất thì ông H, bà C cho rằng đất và cái chái là của ông Lý Thanh H và bà Đinh Thị B. Vụ việc được chính quyền ấp Ninh Thạnh và Ủy ban nhân dân xã N giải quyết tranh chấp nhưng không thỏa thuận được. Nay ông L, bà L yêu cầu vợ chồng ông H, bà B trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 52,5m², tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Lý Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị B trình bày:

Phần đất tranh chấp là của cụ Lý Văn C (ông nội của ông H) cho lại cha ông H là ông Lý Văn S (chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị Út (chết năm 2003). Do ông H ở chung với cha mẹ nên quản lý, sử dụng phần đất này từ trước năm 1975 đến nay. Năm 2000, Nhà nước có chủ trương chính quyền và nhân dân cùng làm lộ nông thôn chạy ngang qua phần đất này (lộ sau), ông H, bà B có đóng 480.000 đồng để làm lộ. Ông L cho rằng phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông L cho vợ chồng ông H mượn để cất cái chái nấu cháo lợn là không có. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp có 01 cái chái gắn liền với nhà ông bà ngang 3m và dài 10; có kết cấu cây cột gỗ địa phương, mái thiết, vách thiết, nền lát xi măng là do vợ chồng ông cất. Vợ chồng ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Hồ Thị N trình bày:

Cụ N thống nhất với lời trình bày của ông L, bà L. Ngoài ra, cụ N không còn ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng H và bà Lý Thị C cùng trình bày:

Bà Lý Thị C là chị ruột cụ Lý Thanh H. Phần đất tranh chấp là của ông Lý Văn C (ông nội bà C) cho lại cha bà C là ông Lý Văn S (chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị Út (chết năm 2003). Do ông H ở chung với cha mẹ nên quản lý, sử dụng phần đất này từ trước năm 1975 đến nay. Việc ông L cho rằng đất tranh chấp là do vợ chồng ông H và bà C mượn để cất cái chái nấu cháo lợn là không đúng mà cái chái này do ông H cất. Nay ông H, bà C không đồng ý với yêu cầu của ông L, bà L. Ngoài ra, ông bà không còn ý kiến nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đòi ông Lý Thanh H trả phần đất cho mượn qua đo đạc thực tế có diện tích 52,5m² tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 12 năm 2019 nguyên đơn ông Nguyễn Thành L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thị H trình bày:

Phần đất tranh chấp cả nguyên đơn và bị đơn không có giấy tờ gì chứng minh đất của mình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Biên lai thu tiền xây dựng hạ tầng nông thôn để không chấp nhận yêu cầu của ông L là không có cơ sở, bởi lẽ ông H nộp tiền xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn là lộ sau và ông H có phần đất nghĩa địa đối diện với phần đất tranh chấp. Đất của ông L chạy từ trước ra phía sau và tiếp giáp với phần đất tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành L, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành L nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2019 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/5/2019 thì phần đất tranh chấp có diện tích 52,5m² tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993 thì phần đất tranh chấp nằm trong phần đất chưa được giải thửa liền kề với thửa 143, tờ bản đồ số 01 và hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thì nằm trong thửa 69, tờ bản đồ số 40 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận cho đối tượng nào. Hiện trạng trên đất có 01 cái chái có diện tích ngang 3m và dài 10m; 06 cây mai. Tất cả vật kiến trúc, cây trồng trên đất do ông H trồng và xây dựng. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ông L có yêu cầu Tòa án tiến hành khảo sát thực tế phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông L xác định việc đo đạc trước đây đúng vị trí, diện tích và các bên xác định được hình thể đất nên việc đo đạc, khảo sát lại là không cần thiết, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.2] Ông L xác định phần đất tranh chấp là do mẹ của ông nhận chuyển nhượng của bà Sáu Già và hiện nay không biết bà Sáu Già ở đâu. Năm 2006, ông cho vợ chồng ông H mượn để cất cái chái nấu cháo lợn. Tuy nhiên, vợ chồng ông H xác định không có mượn đất của ông L mà cho rằng phần đất tranh chấp là của gia đình ông H. Xét thấy, ông L xác định cho ông H mượn đất nhưng không có giấy tờ gì chứng minh có việc cho mượn đất, trong khi thực tế phần đất tranh chấp do vợ chồng ông H sử dụng. Khi Nhà nước có chủ trương chính quyền và nhân dân cùng làm lộ nông thôn chạy qua phần đất tranh chấp thì vợ chồng ông H có đóng 480.000 đồng để làm lộ. Theo Biên lai thu tiền ngày 14/9/2000 thể hiện ông H có nộp 480.000 đồng để xây dựng hạ tầng nông thôn, người thu tiền

là ông Võ Văn C; đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh, ông C xác định vào năm 2000 ông là thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã N, ông có thu tiền của ông H 480.000 đồng để làm Lộ sau. Phần đất tranh chấp từ trước đến nay ông L không quản lý, sử dụng, cũng không đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, phía gia đình ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng; hơn nữa phần đất tranh chấp tiếp giáp với đất mồ mã của gia đình ông H và có ngôi mộ của cha ông H đang chôn cất trên đất. Ông L là người khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của ông. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành L và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L; có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên; áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp đã chi hết 1.330.000 đồng. Ông Nguyễn Thành L phải chịu 1.330.000 đồng.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đòi ông Lý Thanh H quyền sử dụng đất diện tích 52,5m² tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 1.330.000 đồng. Ông Nguyễn Thành L phải chịu 1.330.000 đồng; Ông L đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng. Ông L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006149 ngày 26/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng. Ông L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002854 ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu: HSA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Lệ Kiều